

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 30/2020/HNGĐ - ST
Ngày 30/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và ông Lê Đình Cự.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn NL, xã CD, huyện ĐH, tỉnh TB.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn MH, xã LG, huyện ĐH, tỉnh TB.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/02/2020 và trong quá trình tố tụng anh Lương Văn Th trình bày:

Anh Th và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã CD vào ngày 28/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T là người chi tiêu không đúng mực dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống đã có lần chị Tâm nợ nần anh phải đứng ra hỗ trợ chị T trả nợ. Tháng 12/2019 vợ chồng mâu thuẫn, chị T tự ý bỏ đi không nói gì với anh và gia đình. Ngay ngày hôm sau khi chị T bỏ đi, dân xã hội đến đòi tiền anh, lúc đó anh Th mới biết chị có vay mượn của xã hội đen và buộc phải bỏ đi. Từ khi chị T bỏ đi gia đình anh luôn nhận được những tin nhắn đe dọa trên điện thoại, anh Thế đã gọi điện cho chị T nhưng không thể liên lạc được. Chị T bỏ đi không hề liên lạc với anh và gia đình từ đó cho đến nay. Gần đây anh mới biết chị T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn MH, xã LG sinh sống. Từ tháng 12/2019 đến nay chị T không hề quan tâm gì đến gia đình và chồng con, chị T bỏ mặc con cái cho anh. Ngoài ra anh còn nghi ngờ chị T không chung thủy. Nay anh xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị T được. Anh nhất định xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh Th và chị T có 02 con chung là Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008 và Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010. Từ khi chị T bỏ đi hai con vẫn ở với anh và ông bà nội. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh. Do vậy anh không muốn tách hai con khi vợ chồng phải ly hôn. Hiện tại chị T về bên ngoại còn đi ở nhờ không có nhà cửa riêng, mặt khác hai con đang sống ổn định cùng anh. Ly hôn anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2020 và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T và anh Th tự nguyện kết hôn có đăng ký tại xã CD vào ngày 28/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường tuy nhiên cũng có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt thường ngày. Cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Th không tin tưởng chị, anh Th đi làm nhưng không đưa tiền cho chị chi tiêu. Mọi chi phí trong sinh hoạt cho gia đình chị đều phải lo liệu, trong khi gia đình và anh Th không thông cảm và chia sẻ cùng chị T. Vợ chồng mâu thuẫn anh Th đã tát chị T, vì vậy chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn MH, xã LG sinh sống. Sau khi chị bỏ đi anh Th cũng không tìm chị về. Nay anh Th xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008 và Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010. Ly hôn chị xin nuôi con L đề nghị giao con Qu cho anh Th nuôi dạy. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vì cháu L là con gái nên chị tha thiết đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dạy cháu Li. Chị biết hiện nay cháu L có nguyện vọng ở với bố nhưng cháu còn nhỏ lại ở với anh Th và gia đình mấy tháng nay nên bị tác động bởi anh Th và gia đình. Hiện nay chị đi làm công ty thu nhập của chị đảm bảo việc nuôi con, chị về ở với bố mẹ đẻ ở thôn MH, xã LG, bố mẹ đẻ chị có nhà cửa rộng rãi và luôn tạo mọi điều kiện cho mẹ con chị cả về vật chất lẫn tinh thần. Do vậy chị vẫn đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung. Quá trình chung sống chị có sai lầm là đã đứng ra bảo lãnh cho một số người vay tiền của dân xã hội nhưng đến khi họ đòi chị phải bỏ đi sau khi thấy chị phải bỏ đi những người được chị đứng ra bảo lãnh để được vay tiền đã tự trả tiền cho người cho vay nên chị quay về nhà mẹ đẻ. Hiện tại chị không nợ nần ai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng

dân sự, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Th, chị T xử cho anh Th được ly hôn chị T.

Về con chung: Giao con chung Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dạy. Giao con chung là Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008, cho anh Th nuôi dạy. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Về tài sản chung: Anh Th và chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Th có đơn khởi kiện về việc ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th, chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không thống nhất trong cách làm ăn và quản lý kinh tế. vì vậy vợ chồng thường xảy ra xô xát. Tháng 12/2019 mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh Th, chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Th xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh Th và chị T có 02 con chung là Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008 và Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010. **Ly hôn anh Th xin được nuôi cả hai con, chị T có nguyện vọng xin nuôi con L.**

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của cả hai người đều là chính đáng. Tuy cả hai con đều có nguyện vọng xin được ở với anh Th nhưng xét thấy cháu L là con gái đã đến độ tuổi phát triển về tâm sinh lý rất cần có sự dạy dỗ chỉ bảo của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần chấp nhận nguyện vọng của chị T, giao con chung Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dạy. Giao con chung là Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008, cho anh Th nuôi dạy. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

[4] Về tài sản chung: Anh Th, chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Văn Th được ly hôn chỉ Nguyễn Thị T.

2/Về con chung: Giao con chung Lương Thị Thùy L sinh ngày 29/7/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dạy. Giao con chung là Lương Ngọc Qu sinh ngày 12/11/2008, cho anh Th trực tiếp nuôi dạy. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Lương Văn Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền anh Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008422 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án ngày 30/7/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKS huyện Đông Hưng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Thi hành án dân sự Đông Hưng
- UBND xã CD
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng

(đã ký)

Hà Thị Nhung